TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP VINH
TRUNG TÂM NGOẠI NGỮ, TIN HỌC IUV

DANH SÁCH CẤP CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN
TỔ CHỨC NGÀY 06/09/2026

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Số CCCD	Điểm thi		Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Số hiệu	Ngày cấp	Ghi chú
							Lý thuyết	Thực hành				
1	Nguyễn Thị Lan Anh	Nữ	30/10/2003	Ninh Bình	Kinh	036303014010	7.0	8.0	01/DCV/T/425/26	DCVTH260001	11/09/2026	
2	Cao Thị Mai Chi	Nữ	20/09/2004	Nghệ An	Kinh	040304007454	5.3	7.0	02/DCV/T/425/26	DCVTH260002	11/09/2026	
3	Trịnh Thị Thanh Hải	Nữ	22/03/2000	Hà Tĩnh	Kinh	042300010592	7.0	9.0	03/DCV/T/425/26	DCVTH260003	11/09/2026	
4	Đinh Như Hằng	Nữ	07/11/2003	Quảng Trị	Kinh	044303004249	7.3	8.5	04/DCV/T/425/26	DCVTH260004	11/09/2026	
5	Nguyễn Thị Hoa	Nữ	18/02/2003	Nghệ An	Kinh	040303006499	7.3	9.0	05/DCV/T/425/26	DCVTH260005	11/09/2026	
6	Phạm Huy Hoàng	Nam	27/03/2002	Nghệ An	Kinh	040202024367	6.0	8.5	06/DCV/T/425/26	DCVTH260006	11/09/2026	
7	Tô Thị Kim Loan	Nữ	10/08/2004	Nghệ An	Kinh	040304015098	6.7	7.5	07/DCV/T/425/26	DCVTH260007	11/09/2026	
8	Nguyễn Thị Bích Ngọc	Nữ	21/09/2003	Ninh Bình	Kinh	037303006173	7.7	9.0	08/DCV/T/425/26	DCVTH260008	11/09/2026	
9	Hồ Thị Thanh Nhàn	Nữ	18/08/2004	Nghệ An	Kinh	040304010709	6.0	9.0	09/DCV/T/425/26	DCVTH260009	11/09/2026	
10	Nguyễn Thị Nhi	Nữ	05/10/2003	Quảng Trị	Kinh	045303001379	6.0	9.0	10/DCV/T/425/26	DCVTH260010	11/09/2026	
11	Nguyễn Thị Nhung	Nữ	06/09/2003	Hà Tĩnh	Kinh	042303004489	7.3	8.5	11/DCV/T/425/26	DCVTH260011	11/09/2026	
12	Trần Thị Phúc	Nữ	10/10/1990	Nghệ An	Kinh	040190005422	7.3	5.0	12/DCV/T/425/26	DCVTH260012	11/09/2026	
13	Nguyễn Minh Phương	Nữ	17/07/2003	Hưng Yên	Kinh	034303008844	6.7	9.0	13/DCV/T/425/26	DCVTH260013	11/09/2026	
14	Hoàng Thị Như Tâm	Nữ	18/06/2003	Quảng Trị	Kinh	044303001395	7.7	9.0	14/DCV/T/425/26	DCVTH260014	11/09/2026	
15	Lê Thị Thảo	Nữ	13/06/2003	Nghệ An	Kinh	040303003658	6.7	8.0	15/DCV/T/425/26	DCVTH260015	11/09/2026	

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Số CCCD	Điểm thi		Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Số hiệu	Ngày cấp	Ghi chú
							Lý thuyết	Thực hành				
16	Nguyễn Phương Thảo	Nữ	01/11/2002	Nghệ An	Kinh	040302009589	8.0	9.0	16/DCV/T/425/26	DCVTH260016	11/09/2026	
17	Hoàng Đình Thế	Nam	17/09/1996	Nghệ An	Kinh	040096000900	6.3	8.0	17/DCV/T/425/26	DCVTH260017	11/09/2026	
18	Nguyễn Ngọc Anh Thơ	Nữ	20/10/2003	Đắk Lắk	Kinh	066303017215	7.0	7.5	18/DCV/T/425/26	DCVTH260018	11/09/2026	
19	Nguyễn Thị Thương	Nữ	12/09/2002	Nghệ An	Kinh	040302017954	8.3	9.0	19/DCV/T/425/26	DCVTH260019	11/09/2026	
20	Bùi Thị Huyền Trang	Nữ	24/02/1994	Nghệ An	Kinh	040194002168	5.3	8.0	20/DCV/T/425/26	DCVTH260020	11/09/2026	
21	Nguyễn Thị Huyền Trang	Nữ	15/01/2003	Đắk Lắk	Kinh	066303006356	7.0	9.0	21/DCV/T/425/26	DCVTH260021	11/09/2026	
22	Nguyễn Quốc Tuấn	Nam	08/09/2000	Nghệ An	Kinh	042200000699	5.3	8.0	22/DCV/T/425/26	DCVTH260022	11/09/2026	
23	Nguyễn Anh Tuấn	Nam	16/06/2003	Ninh Bình	Kinh	037203001997	6.7	7.5	23/DCV/T/425/26	DCVTH260023	11/09/2026	
24	Võ Tá Hoàng Tùng	Nam	04/11/2003	Hà Tĩnh	Kinh	042203003649	6.7	7.5	24/DCV/T/425/26	DCVTH260024	11/09/2026	
25	Lê Hoàng Yến	Nữ	03/01/2004	Nghệ An	Kinh	040304002839	6.3	9.0	25/DCV/T/425/26	DCVTH260025	11/09/2026	
26	Trần Thị Ngọc Ánh	Nữ	29/09/2002	Nghệ An	Kinh	040302001808	6.3	7.5	26/DCV/T/425/26	DCVTH260026	11/09/2026	
27	Phạm Tiến Dũng	Nam	20/01/2004	Hà Tĩnh	Kinh	042204003947	6.3	9.0	27/DCV/T/425/26	DCVTH260027	11/09/2026	
28	Trần Thị Thùy Dương	Nữ	19/10/2004	Nghệ An	Kinh	040304012218	6.0	9.0	28/DCV/T/425/26	DCVTH260028	11/09/2026	
29	Nguyễn Thị Mai Duyên	Nữ	27/05/2004	Nghệ An	Kinh	040304023648	7.0	7.5	29/DCV/T/425/26	DCVTH260029	11/09/2026	
30	Trịnh Thị Hoa	Nữ	13/08/2004	Nghệ An	Kinh	040304005432	7.7	7.0	30/DCV/T/425/26	DCVTH260030	11/09/2026	
31	Nguyễn Thị Hoài	Nữ	03/06/1992	Hà Tĩnh	Kinh	042192021392	5.7	7.5	31/DCV/T/425/26	DCVTH260031	11/09/2026	
32	Phan Thị Huệ	Nữ	26/10/1977	Hà Tĩnh	Kinh	042177012478	7.0	5.5	32/DCV/T/425/26	DCVTH260032	11/09/2026	
33	Lương Thanh Huyền	Nam	26/07/1977	Nghệ An	Thái	040077004170	5.3	6.5	33/DCV/T/425/26	DCVTH260033	11/09/2026	
34	Phạm Khánh Linh	Nữ	09/08/2005	Nghệ An	Kinh	040305019944	7.3	9.0	34/DCV/T/425/26	DCVTH260034	11/09/2026	
35	Trần Phương Linh	Nữ	01/08/2004	Nghệ An	Kinh	040304025736	5.3	8.5	35/DCV/T/425/26	DCVTH260035	11/09/2026	

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Số CCCD	Điểm thi		Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Số hiệu	Ngày cấp	Ghi chú
							Lý thuyết	Thực hành				
36	Nguyễn Thị Xuân Mai	Nữ	07/09/2004	Nghệ An	Kinh	040304017921	6.7	9.0	36/DCV/T/425/26	DCVTH260036	11/09/2026	
37	Nguyễn Sỹ Nguyên	Nam	21/09/2004	Nghệ An	Kinh	040204007399	5.0	6.0	37/DCV/T/425/26	DCVTH260037	11/09/2026	
38	Vừ Y Mỹ Nhung	Nữ	06/02/2006	Nghệ An	H'mông	040306016453	5.0	5.5	38/DCV/T/425/26	DCVTH260038	11/09/2026	
39	Trương Văn Quý	Nam	12/01/2003	Nghệ An	Thổ	040203014187	6.7	9.0	39/DCV/T/425/26	DCVTH260039	11/09/2026	
40	Cao Đăng Sang	Nam	11/11/2003	Nghệ An	Thái	040203012869	5.7	6.0	40/DCV/T/425/26	DCVTH260040	11/09/2026	
41	Ngô Xuân Thủy	Nam	08/06/1990	Nghệ An	Kinh	040090039654	6.3	5.5	41/DCV/T/425/26	DCVTH260041	11/09/2026	
42	Nguyễn Thị Thủy	Nữ	01/10/1994	Nghệ An	Kinh	040194031814	7.3	9.0	42/DCV/T/425/26	DCVTH260042	11/09/2026	
43	Nguyễn Thị Trang	Nữ	08/12/2003	Nghệ An	Kinh	040303019530	8.3	7.0	43/DCV/T/425/26	DCVTH260043	11/09/2026	
44	Nguyễn Minh Tuấn	Nam	11/08/1994	Nghệ An	Kinh	040094008646	5.3	7.0	44/DCV/T/425/26	DCVTH260044	11/09/2026	
45	Nguyễn Trọng Tuấn	Nam	13/11/1997	Hà Tĩnh	Kinh	042097008885	7.3	7.0	45/DCV/T/425/26	DCVTH260045	11/09/2026	